TAND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 132 /2020 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 15 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 193/2020/TLST/HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Huỳnh Đ, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số nhà 120/19/10 B, phường 4, thành phố V, tỉnh B.

Bị đơn: Chị Lê Thị Nguyệt T, sinh năm 1994

HKTT: Số nhà 120/19/10 B, phường 4, thành phố V, tỉnh B.

Địa chỉ hiện nay: Thôn 10, xã D, huyện T, tỉnh T

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; 82; 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 7 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 7 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**
   Nguyên đơn: Anh Trần Huỳnh Đ, sinh năm 1993
   Bị đơn: Chị Lê Thị Nguyệt T, sinh năm 1994

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Huỳnh Đ và chị Lê Thị Nguyệt T.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung, tên cháu là Trần K, sinh ngày 15/8/2016, hiện nay cháu đang sống cùng chị T tại xóm 10, xã D, huyện T. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị.

- *Về tài sản và phần nợ*: Vợ chồng anh, chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, anh Đ nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) anh Đ đã nộp theo biên lai số AA/2018/0004043 ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại anh Đ 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu Sơn
- UBND phường 4 TP V.
- phòng Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy